

Số: 1056 /BC- THHD1

Vinh, ngày 30 tháng 06 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Năm 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường: Tiểu học Hưng Dũng I

2. Địa chỉ: Số 90, đường Nguyễn Duy Trinh, phường Hưng Dũng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Số điện thoại: 0948314119

Email: c1hungdung1.vinh@nghean.edu.vn

Cổng thông tin điện tử:

3. Loại hình: Công lập

- Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân thành phố Vinh

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường

Sứ mạng: Xây dựng một môi trường học tập có đầy đủ trang thiết bị dạy học hiện đại, phù hợp với xu thế. Tạo dựng được môi trường giáo dục dân chủ - kỷ cương nhưng thân thiện, sáng tạo - Nơi mà giáo viên và học sinh đều có cơ hội phát triển năng lực, tư duy sáng tạo và kỹ năng vận dụng của bản thân đáp ứng với yêu cầu đổi mới của đất nước và hội nhập quốc tế.

Tầm nhìn: Giữ vững truyền thống một trong những trường tiểu học top đầu của GDĐT thành phố Vinh. Trong mười năm tới, trường Tiểu học Hưng Dũng 1 vẫn là địa chỉ tin cậy, là niềm tự hào của quê hương Làng Đỏ; Luôn khẳng định vị thế của mình trong cộng đồng giáo dục trên phạm vi thành phố, tỉnh, cả nước và hơn thế, sẽ vươn ra để sánh vai với các trường tiên tiến trong khu vực, trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa của thế giới.

Mục tiêu: Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và khu vực. Duy trì tốt trường Chuẩn Quốc gia mức II.

5. Quá trình hình thành và phát triển của nhà trường

Trường Tiểu học Hưng Dũng I thành lập năm 1989, được tách ra từ trường PTCS Hưng Dũng, trường nằm ở số 90 đường Nguyễn Duy Trinh, thuộc phường Hưng Dũng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Sau 30 năm xây dựng và trưởng thành, trường đã đạt được thành tích cao về mọi mặt, phong trào giáo dục của trường ngày một phát triển. Trường đã từng bước khẳng định với xã hội, với quần chúng nhân

dân về chất lượng giáo dục toàn diện. Năm 2000, trường được công nhận trường chuẩn Quốc gia mức độ I. Năm 2006, trường đạt trường chuẩn Quốc gia mức độ 2 và vinh dự được đón nhận Huân chương Lao động hạng Ba. Nhiều năm liền trường đạt danh hiệu tập thể Lao động xuất sắc, được UBND tỉnh Nghệ An tặng Bằng khen và năm 2012 được Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Bằng khen. Năm học 2016- 2017, trường tiểu học Hưng Dũng 1 đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3. Năm 2021-2022, trường được công nhận lại trường chuẩn QG mức độ 2 và đạt tiêu chuẩn chất lượng mức độ 3.

6. Người đại diện pháp luật:

Họ và tên: Trần Thị Huệ

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ: 90 Nguyễn Duy Trinh, phường Hưng Dũng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Số điện thoại: 0948314119

7. Tổ chức bộ máy:

+ Chi bộ: 44 đảng viên (Trình độ chính trị: 4 Trung cấp LLCT; 40 Sơ cấp LLCT)

+ Công đoàn: 67 đoàn viên công đoàn

+ Chi đoàn thanh niên: có 16 đoàn viên.

+ Liên đội thiếu niên: có 723 đội viên và 1032 nhi đồng.

+ Tổ chuyên môn: 3 tổ (Tổ 1+Khối NK; tổ 2, 3; tổ 4, 5)

+ Hội đồng trường: HT, PHT, CTCĐ, TTCM, BTCĐ, Đại diện UBND phường, trưởng ban ĐDCMHS.

STT	Số văn bản	Ngày	Cơ quan ban hành	Trích yếu
1		1989	UBND Thành Phố Vinh	Quyết định thành lập trường
2	3855/QĐ-UBND	04/07/2018	UBND Thành Phố Vinh	Quyết định Hiệu trưởng
3	3865/QĐ-UBND	04/07/2018	UBND Thành Phố Vinh	Quyết định Phó Hiệu trưởng
4	3956/QĐ-UBND	10/07/2019	UBND Thành Phố Vinh	Quyết định Phó Hiệu trưởng

5	4947/QĐ-UBND	28/10/2024	UBND Thành Phố Vinh	Quyết định về việc kiện toàn Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020-2025
6	186/QĐ- THHD1	12/09/2024	Trường TH Hưng Dũng 1	Quyết định về việc ban hành quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của trường Hưng Dũng 1.
7	THHD1	09/09/2021	Trường TH Hưng Dũng 1	Chiến lược phát triển nhà trường năm 2021-2025, tầm nhìn đến 2030.

II. ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN VÀ NHÂN VIÊN

1. Nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	1	Kinh		1		
Phó hiệu trưởng	2	2	Kinh		1	1	
Giáo viên	60	54	Kinh		54	6	
Nhân viên	24	22	Kinh	20	4		
Cộng	87	81	Kinh				

2. Chuẩn nghề nghiệp

STT	Đội ngũ	Đạt chuẩn nghề nghiệp Năm học 2024- 2025	Năm học 2023 - 2024
1	Cán bộ quản lý	03 - 100%	03 - 100%
2	Giáo viên	60 - 100%	54 - 100%
<i>Tổng cộng</i>		63 - 100%	57 - 100%

3. Bồi dưỡng hàng năm

STT	Đội ngũ	Hoàn thành bồi dưỡng Năm học 2024 - 2025	Năm học 2023 - 2024
1	Cán bộ quản lý	03/03	03/03
2	Giáo viên	60/60	54/54

3	Nhân viên	4/4	4/4
<i>Tổng cộng</i>		67/67	61/61

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Thông tin chung

Diện tích trường: 10.868 m²

Số điểm trường: 01

2. Hạng mục khối phòng

STT	Hạng mục	Số lượng	Ghi chú
<i>Khối phòng hành chính quản trị</i>			
1	Văn thư – Hành chính	1	
2	Phòng Hiệu trưởng	1	
3	Phòng Phó hiệu trưởng	1	
4	Kế toán - Tài vụ	1	
5	Hội trường	1	
<i>Khối phòng học - chức năng</i>			
1	Phòng học	43	
2	Phòng Âm nhạc	1	
3	Phòng Tin học	2	
4	Phòng Tiếng Anh	2	
5	Phòng Mỹ thuật	0	
6	Phòng thực hành kỹ năng	0	
7	STEM	1	
8	Thư viện – Thiết bị	2	
9	Y tế	1	
10	Sân điền kinh	0	
11	Sân chơi.	1	
12	Sân bóng đá – bóng rổ - bóng chuyên	0	

3. Thiết bị dạy học

- Ti vi thông minh: 46

- Bảng tương tác: 1

4. Danh mục sách giáo khoa lớp 5 sử dụng từ năm học 2024-2025

STT	Tên sách	Tác giả	Tổ chức, cá nhân	Đơn vị liên kết
1	Toán 5	Hà Huy Khoái, Lê Anh Vinh, Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	NXB Giáo dục Việt Nam	
2	Tiếng Việt 5	Nguyễn Minh Thuyết, Chu Thị Thùy An, Vũ Trọng Đông, Nguyễn Khánh Hà, Đỗ Thu Hà, Đặng Kim Nga	NXB Đại học SP Hồ Chí Minh	
		Nguyễn Minh Thuyết, Chu Thị Thùy An, Vũ Trọng Đông, Nguyễn Khánh Hà, Đỗ Thu Hà, Đặng Kim Nga		
3	Đạo đức 5	Nguyễn Thị Toan, Trần Thành Nam, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung	NXB Giáo dục Việt Nam	
4	Khoa học 5	Vũ Văn Hùng, Phan Thanh Hà, Hà Thị Lan Hương, Nguyễn Thị Hồng Liên, Ngô Diệu Nga, Nguyễn Thị Thanh Phúc, Đào Thị Sen	NXB Giáo dục Việt Nam	
5	Lịch sử và Địa lí 5	Vũ Minh Giang, Nghiêm Đình Vỹ, Nguyễn Thị Thu Thủy, Đào Thị Hồng, Đào Ngọc Hùng, Trần Thị Hà Giang, Đặng Tiên Dung, Dương Thị Oanh	NXB Giáo dục Việt Nam	
6	Tin học 5	Hồ Sĩ Đàm, Hồ Cẩm Hà, Nguyễn Thị Hồng, Đỗ Thị Bích Ngọc, Nguyễn Chí Trung	NXB Đại học sư phạm	
7	Công nghệ 5	Lê Huy Hoàng, Đặng Văn Nghĩa, Dương Giáng Thiên Hương, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh trịnh	NXB Giáo dục Việt Nam	
8	Giáo dục thể chất 5	Nguyễn Duy Quyết, Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương	NXB Giáo dục Việt Nam	
9	Âm nhạc 5	Đỗ Thị Minh Chính, Nguyễn Thị Thanh Bình, Mai Linh Chi, Nguyễn Thị phương Mai, Nguyễn Thị Nga	NXB Giáo dục Việt Nam	
10	Mĩ thuật 5 (bản 1)	Đinh Gia Lê, Trần Thị Biển, Đoàn Thị Mỹ Hương, Phạm Duy Anh, Trần thị thu Trang	NXB Giáo dục Việt Nam	
11	Hoạt động trải nghiệm	Lưu Thu Thủy, Nguyễn Thụy Anh, Nguyễn Thanh Bình, Bùi Thị Hương	NXB Giáo dục Việt Nam	

	5 (bản 1)	Liên, Trần thị Tố Oanh		
12	Tiếng Anh 5 (Wonderful World)	Nguyễn Vũ Quỳnh Như, Đặng Thị Cẩm Tú, Trần Thị Thảo Phương, Trần Thị Thu Phương	NXB Đại học SP	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

STT	Số văn bản	Ngày	Cơ quan ban hành	Mức độ đạt kiểm định
1	891/QĐ- SGD&ĐT	19/7/2022	Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An	Đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Số liệu chung

Khối lớp	Tổng số lớp	Tổng số HS	Số HS học 02 buổi/ngày		Nữ	Dân tộc	Khuyết tật
Một	9	329	329	37	155	3	2
Hai	8	333	333	42	163	1	1
Ba	9	370	370	41	189	0	2
Bốn	8	346	346	43	165	0	1
Năm	9	377	377	42	176	1	6
Tổng cộng	43	1755	1755	41	848	5	12

Kết quả học sinh: Năm học 2024 - 2025

Khối lớp	Tổng số HS	Số HS hoàn thành chương trình lớp học/Tiểu học	Số HS được lên lớp	Số HS ở lại
Một	329	329	328	1
Hai	333	333	332	1
Ba	370	370	370	0
Bốn	346	346	346	0
Năm	377	377	377	0
Tổng cộng	1755	1755	1755	2

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính

ĐVT: đồng

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	25.707.994.181	20.900.565.248
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư	14.304.440.000	9.149.009.000
II	Thu giáo dục và đào tạo	11.403.554.181	11.751.556.248
1	Học phí, lệ phí từ người học		
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
4	Thu khác	11.403.554.181	11.751.556.248
a	Tiền phục vụ bán trú	2.208.670.000	2.539.734.349
b	Tiền dạy học đảm bảo 32 tiết/tuần	838.826.000	850.770.000
c	Tiền tuyển sinh	9.870.000	9.600.000
d	Tiền thu học tiếng anh tăng cường	1.468.980.000	1.647.760.000
đ	Tiền thu học Stem	449.000.000	920.350.000
f	Các khoản thu khác	6.428.208.181	5.783.341.899
III	Thu khoa học và công nghệ		
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
3	Thu khác		
IV	Thu khác (thu nhập ròng)		

B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	25.014.913.096	19.829.032.538
I	Chi lương, thu nhập	16.935.163.344	14.646.199.191
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	13.883.741.644	9.685.334.900
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác	3.051.421.700	4.960.864.291
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	3.768.450.051	1.138.471.039
1	Chi cho đào tạo		
2	Chi cho nghiên cứu		
3	Chi cho phát triển đội ngũ	-	
4	Chi phí chung và chi khác	3.768.450.051	1.138.471.039
III	Chi hỗ trợ người học	6.750.000	12.900.000
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	6.750.000	12.900.000
2	Chi hoạt động nghiên cứu	-	
3	Chi hoạt động khác	-	
IV	Chi khác	4.304.549.701	4.031.462.308
C	CHÊNH LỆCH THU CHI	693.081.085	1.071.532.710

Các khoản thu và mức thu

ST T	Nội dung khoản thu	Mức thu	Dự kiến mức thu năm học 2025-2026
1	Tiền thu học tiếng anh tăng cường		
	Giáo viên Việt Nam (Giữ nguyên lớp)	20.000 đồng/tiết	20.000 đồng/tiết
	Giáo viên Việt Nam (Lớp chia đôi)	30.000 đồng/tiết	30.000 đồng/tiết
	Giáo viên nước ngoài	40.000 đồng/tiết	40.000 đồng/tiết
2	Tiền thu học Stem	25.000 đồng/tiết	25.000 đồng/tiết

3	Tiền dạy học đảm bảo 32 tiết/tuần	55.000 đồng/tháng	0
4	Tiền thu VĐGD	Tự nguyện	Tự nguyện
5	Tiền thu tổ chức bán trú		
a	Tiền ăn bán trú	25.000/phiếu ăn	25.000/phiếu ăn
b	Tiền thuê người nấu ăn và chi phí tổ chức bán trú	170.000 đồng/tháng	190.000 đồng/tháng
c	Tiền mua sắm vật dụng dùng chung	120.000 đồng/HS (K2-K5) 250.000 đồng/Hs (K1)	140.000 đồng/HS (K2-K5) 260.000 đồng/Hs (K1)
6	Tiền tuyển sinh	30.000 đồng/Học sinh	30.000 đồng/Học sinh

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách

ĐVT: Đồng

STT	Chính sách hỗ trợ	Số lượng học sinh hưởng	Số tiền hỗ trợ
1	Miễn học phí		
2	Hỗ trợ chi phí học tập	9	6.750.000
3	Học bổng		

4. Số dư các quỹ

STT	Tên quỹ	Số dư đầu kỳ	Thu trong kỳ	Chi trong kỳ	Số dư cuối kỳ
1	Quỹ khen thưởng	36.039.400		20.978.500	15.060.900
2	Quỹ phúc lợi	845.464		-	845.464
3	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	35.959.500		3.560.000	32.399.500

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên luôn cố gắng xây dựng trường Tiểu học Hưng Dũng 1 phát triển bền vững, tiên tiến hiện đại với những giá trị mới, thực tiễn trong việc đổi mới phương pháp dạy học của thời kì hội nhập. “Mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên hiểu và làm tốt công việc của mình”. Học sinh thực hiện tốt phương châm trường Tiểu học Hưng Dũng 1: “Năng động - Thân thiện - Sáng tạo”.

Thầy cô luôn tích cực trong việc đổi mới phương pháp dạy học để nâng cao chất lượng giáo dục. Chất lượng học tập của học sinh đạt được hiệu quả thực chất, vững vàng khi lên lớp trên, không có học sinh bỏ học hay ngồi nhầm lớp. Mỗi học

sinh được phát triển tùy theo khả năng. Các em nắm vững các kiến thức, kỹ năng đã được rèn luyện theo mức độ chuẩn chung cả nước và có nâng cao, đảm bảo tính vững chắc theo yêu cầu chung của Thành phố Vinh, trung tâm phát triển của cả nước. Tạo dựng được môi trường học tập nề nếp, kỷ cương có chất lượng để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển năng lực và tư duy sáng tạo của bản thân. Có thể nói chất lượng giáo dục của nhà trường luôn phát triển bền vững, tạo được niềm tin trong cộng đồng và được nhà nước công nhận.

1. Đối với tập thể

- Chi bộ Hoàn thành Tốt nhiệm vụ
- Trường đạt danh hiệu tập thể Lao động Xuất Sắc.
- Công đoàn Xuất sắc được LĐLĐ tỉnh tặng Bằng khen.
- Chi đội: HTXSNV được HĐĐ tỉnh tặng Bằng khen

2. Đối với cá nhân

2.1. Kết quả về đội ngũ giáo viên

- Có 4 giáo viên đạt giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp Thành phố.
- Có 17 cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở
- Có 65/67 đồng chí đạt lao động tiên tiến tỉ lệ 97%.
- Có 1 đồng chí được Sở GD&DDT tặng Giấy khen “Nhà giáo Nghệ An làm theo thời Bác”.
- Có 1 đồng chí được Hội đồng đội Trung ương tặng Bằng khen trong phong trào “Độc và làm theo báo Đội”.
- Có 2 đồng chí được Ủy ban Nhân dân Tỉnh tặng Bằng khen trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi giáo dục thể chất.
- Có 2 đồng chí được Ủy ban Nhân dân thành phố tặng Giấy khen.
- Có 2 đồng chí được Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tặng huy chương vì sự nghiệp Công đoàn.
- Có 1 đồng chí được Liên đoàn Lao động tỉnh tặng Bằng khen trong phong trào “Hai giỏi”.
- Có 1 đồng chí được Công đoàn Giáo dục tỉnh tặng Giấy khen đã có thành tích cao tại Hội thao truyền thống ngành.
- Có 1 đồng chí được Liên đoàn Lao động tặng Giấy khen trong Hội thi cán bộ Công đoàn giỏi
- Có 1 đồng chí được Liên đoàn Lao động thành phố tặng Huy chương trong giải chạy do Liên đoàn tổ chức.
- Có 4 đồng chí được Liên đoàn Lao động thành phố tặng Giấy khen

2.2. Kết quả về học sinh

2.2.1 Kết quả xếp loại

- 100 % học sinh xếp loại Tốt và Đạt về phẩm chất và năng lực;

- 99.8 % học sinh hoàn thành chương trình lớp học;
- 100 % học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình Tiểu học.
- Số học sinh khen thưởng danh hiệu học sinh Xuất sắc 895/1751, đạt tỉ lệ 51%; số học sinh được khen thưởng danh hiệu HS tiêu biểu hoàn thành Tốt nghiệp vụ 558/1751, tỉ lệ 31%.

2.2.2 Kết quả mũi nhọn

Các em học sinh được tham gia rất nhiều hoạt động giáo dục toàn diện, các sân chơi trí tuệ và đã đạt thành tích đáng tự hào:

- 7 học sinh đạt danh hiệu học sinh giỏi cấp Quốc gia: Hội khoẻ Phù đồng, Toán tuổi thơ, tem bưu chính.
- 5 em đạt học sinh giỏi tỉnh: 2 em đạt cuộc thi “Đại sứ văn hóa đọc“, 2 em đạt giải vẽ tranh “Bác Hồ trong trái tim thanh, thiếu niên Nghệ An“, 1 em đạt giải chung kết English Challenge năm thứ 8.
- 8 em đạt học sinh giỏi cấp thành phố Văn - Toán tuổi thơ, ngày Hội Stem
- 7 em được Ủy ban nhân dân thành phố tặng giấy khen có thành tích xuất sắc trong học tập.
- Nhiều em đạt huy chương vàng, bạc đồng trong các sân chơi Tiếng Anh, Tin học quốc tế, Đấu trường toán học, Trạng Nguyên Tiếng Việt, Trạng Nguyên toán tài, Toán Quốc tế...
- 20 em được vào lớp 6 trường THCS Đặng Thai Mai.

Trên đây là bản tóm tắt báo cáo kết quả đạt được của trường Tiểu học Hưng Dũng 1 trong năm học 2024-2025.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (b/c);
- Lãnh đạo trường (để c/đ);
- Tổ chuyên môn (để t/h);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Trần Thị Huệ